

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2019/ HNGĐ-ST.

Ngày: 19 /9/ 2019.

V/v: “ Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Chậu.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Bà Phan Thị Oanh.
 - + Ông Lương Công Hạnh.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử vụ án thụ lý số 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXX-ST ngày 06/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn M, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày: Chị B và anh M tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013 ngày 08/8/2013 trên cơ sở tự nguyện. Qua thời gian chung sống hạnh phúc, có một con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị B yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Văn M.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hai người bất đồng quan điểm, chị B thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng; anh M thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha, đánh bạc, không lo lắng gì đến cuộc sống vợ con. Chị B và anh M ngày càng mâu thuẫn gay gắt, mặc dù nhiều lần chị B và gia đình khuyên giải để hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được. Vợ

chồng tự sống xa nhau từ tháng 04/2017 cho đến nay, không chung sống với nhau được nữa, không còn tình thương vợ chồng, nên chị B xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị B, anh M có 01 con chung tên là Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/10/2014, do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị B, anh M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn M, từ khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn anh Trần Văn M nhiều lần, nhưng anh M cố tình trốn tránh không đến Tòa, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa anh Trần Văn M vắng mặt. Nguyên đơn chị Ngô Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến của đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn ; bị đơn anh Trần Văn M có nơi cư trú tại địa chỉ: Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Trần Văn M tự tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/8/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do trong cuộc sống chị B, anh M thiếu tin tưởng trong tình cảm vợ chồng, thường gây mâu thuẫn nên chị B, anh M không quan tâm gì đến nhau, mặc dù chị B và gia đình nhiều lần khuyên giải để hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng tình trạng không thể khắc phục được. Chị B và anh M thật sự không còn tình thương. Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh M không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị B, anh M có 01 con chung tên là Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/10/2014, do chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Trần Văn M là người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng chị B, anh M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Ngô Thị B được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn M.

Về con chung: Giao con chung tên là Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/10/2014, cho chị B được tiếp tục nuôi dưỡng và anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị B, anh M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Ngô Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại phiếu thu số 0012092 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bên đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THA dân sự thành phố T;
- UBND xã H, huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Chịu